TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 6 – 2024
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tới

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thúy Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.C, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn Ng, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.C, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/3/2024 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 23/4/2024, bà Nguyễn Thị Nh trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Dương Văn Ng chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Trong quá trình chung sống, bà và ông Ng luôn bất đồng

quan điểm, thường xuyên cải vả, không thể hòa hợp được với nhau. Trên thực tế bà và ông Ng không còn chung sống như vợ chồng từ nhiều năm qua.

Từ nội dung trên, bà nhận thấy tình cảm của bà và ông Ng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được chấm dứt quan hệ vợ, chồng với ông Ng.

- Về con chung: Bà Nh xác định giữa bà và ông Ng có 01 người con chung là Dương Mỹ L, sinh năm 1998, hiện con bà đã thành niên, có cuộc sống ổn định. Do đó, khi ly hôn, bà không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nh xác định giữa bà và ông Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nh khai nhận giữa bà và ông Ng không có nợ chung và không ai nợ lại ông, bà.

* Đối với ông Dương Văn Ng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Dương Văn Ng là "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Dương Văn Ng: Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên toà để xét xử vụ án, thông qua người thân là bà Trần Thị Bé T và bà Nguyễn Thị U nhận thay, có cam kết giao lại nhưng ông Ng vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng theo luật định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Nguyễn Thị Nh, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh theo luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, bà Nguyễn Thị Nh và ông Dương Văn Ng có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1997 đến 2023. Theo bà Nh trình bày, giữa bà và ông Ng không đăng ký kết hôn, đồng thời xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thì bà Nh và ông Ng không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà Nh và ông Ng đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay bà Nh có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, bà Nh và ông Ng luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình và thường xuyên cải vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, bà Nh xác định tình cảm vợ, chồng giữa bà và ông Ng không còn nên ông, bà đã tự ly thân nhiều năm qua.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của bà Nh và ông Ng đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Dương Mỹ L, sinh năm 1998, hiện đã thành niên, có cuộc sống ổn định nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà Nh xác định giữa bà và ông Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nh khai nhận giữa bà và ông Ng không có nợ chung và không ai nợ lại ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Nh là nguyên đơn nên bà phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: bà Nh và ông Ng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Dương Văn Ng.

2 - Về con chung: Đã thành niên nên không giải quyết.

3 - Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Không có.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000đ, ngày 01 tháng 4 năm 2024, bà Nh đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 4773 được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6 - Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Dương Văn Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Minh Hải